

Số: 75/2023/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 08 tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã  
khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2024-2025  
trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA  
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 ngày 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 186/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 473/BC-DT ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La khoá XV, Kỳ họp thứ tám thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2023./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- TT: HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh, Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thái Hưng**





**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Về chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc  
tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2024-2025  
trên địa bàn tỉnh Sơn La**

*(Kèm theo Nghị quyết số 75 /2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La)*

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các tổ chức chăn nuôi đại gia súc quy mô từ 30 con trở lên, cá nhân, hộ chăn nuôi đại gia súc có quy mô từ 10 con trở lên tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Sơn La.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quy định này.

#### **Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh và các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển sản xuất nông nghiệp được cụ thể hóa bằng kế hoạch hằng năm và kế hoạch 5 năm của tỉnh, huyện.
2. Các đối tượng tại khoản 1 Điều 2 được hỗ trợ một lần cho mỗi nội dung của chính sách trong cả giai đoạn 2024 - 2025.

#### **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đại gia súc: Là trâu, bò được các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình chăn nuôi.
2. Tổ chức là các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác có hoạt động chăn nuôi đại gia súc tại các xã vùng III và bản đặc biệt khó khăn.
3. Trâu, bò được hiểu bao gồm bê, nghé và trâu, bò trưởng thành.
4. Ủ chua là biện pháp bảo quản, dự trữ thức ăn thô xanh thông qua quá trình lên men yếm khí.
5. Diện tích trồng cỏ tập trung: Là diện tích trồng cỏ liền khoảnh, đúng yêu

cầu kỹ thuật, từ 200m<sup>2</sup> trở lên.

6. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện (Trung tâm DVNN): Bao gồm Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thành phố, tại huyện Mộc Châu là Trung tâm Kỹ thuật nông nghiệp huyện Mộc Châu.

7. Nhân viên kỹ thuật: Là nhân viên của Trung tâm DVNN, nhân viên khuyến nông xã, nhân viên thú y xã.

## Chương II

### ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

#### Điều 5. Hỗ trợ trồng cỏ

1. Điều kiện hỗ trợ: Các đối tượng tại khoản 1 Điều 2, trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi cho đại gia súc trên đất trồng cây hàng năm, lâu năm được hỗ trợ tiền mua cỏ giống khi diện tích trồng cỏ tập trung đạt tối thiểu là 200m<sup>2</sup> trở lên.

2. Nội dung: Được hỗ trợ 240.000 đồng/200m<sup>2</sup> (mức tối thiểu) để mua cỏ giống trồng năm đầu.

3. Mức hỗ trợ:

- Tổ chức chăn nuôi đại gia súc không quá 180 triệu đồng/đối tượng, tương ứng 150.000m<sup>2</sup>;

- Cá nhân, hộ chăn nuôi không quá 60 triệu đồng/đối tượng, tương ứng 50.000m<sup>2</sup>.

4. Quy mô hỗ trợ: Diện tích hỗ trợ tối đa tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2024-2025: 1.000 ha.

#### Điều 6. Hỗ trợ chế biến thức ăn

1. Điều kiện hỗ trợ: Các đối tượng tại khoản 1 Điều 2, thực hiện chế biến thức ăn cho đại gia súc bằng phương pháp ủ chua.

2. Nội dung: Được hỗ trợ 1.000.000 đồng/01 tấn thức ăn để mua vật tư chế biến thức ăn cho đại gia súc.

3. Mức hỗ trợ:

- Tổ chức chăn nuôi đại gia súc không quá 180 triệu đồng/đối tượng, tương ứng 180 tấn;

- Cá nhân, hộ chăn nuôi không quá 60 triệu đồng/đối tượng, tương ứng 60 tấn.

4. Quy mô hỗ trợ: Số lượng hỗ trợ tối đa tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2024-2025: 1.000 tấn.

#### Điều 7. Hỗ trợ công tác triển khai thực hiện

1. Điều kiện hỗ trợ: Các đối tượng tại khoản 2 Điều 2, thực hiện công tác hướng dẫn kỹ thuật, lập hồ sơ, theo dõi, nghiệm thu diện tích trồng cỏ, chế biến thức ăn; nghiệm thu các nội dung hỗ trợ và lập hồ sơ đúng thời gian đảm bảo



yêu cầu thanh quyết toán.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ công tác hướng dẫn trồng cỏ, chế biến thức ăn. Mức hỗ trợ đối với trồng cỏ 300.000đồng/10.000m<sup>2</sup>, đối với chế biến thức ăn là 200.000 đồng/tấn.

- Hỗ trợ công tác phí cho công tác nghiệm thu, lập hồ sơ hỗ trợ, mức hỗ trợ theo mục 1, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 của HĐND tỉnh Sơn La.

**Chương III**  
**HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỰC HIỆN, NGHIỆM THU,**  
**THANH QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ**

**MỤC 1. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỰC HIỆN**

**Điều 8. Hỗ trợ trồng cỏ**

1. Hồ sơ

a) Quyết định của UBND huyện phê duyệt nội dung, địa điểm và dự toán kinh phí (*mẫu 01 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này*);

b) Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, hóa đơn mua giống cỏ để hỗ trợ giữa Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện với đơn vị cung ứng giống cỏ.

c) Đơn đăng ký hỗ trợ, danh sách đăng ký, cấp phát giống cỏ, danh sách kiểm tra kết quả trồng cỏ (*mẫu 02, 03, 04, 05, 06 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này*).

d) Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách có xác nhận của UBND xã, Trung tâm DVNN, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc UBND cấp huyện (*mẫu 10, 10a, 11, 11a phụ lục ban hành kèm theo Quy định này*).

2. Trình tự thực hiện

a) Các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức đăng ký trồng cỏ (*theo mẫu 02*) nộp trực tiếp cho UBND xã trước ngày 31/7 hàng năm.

b) UBND cấp xã tổng hợp Đơn đăng ký hỗ trợ, danh sách đăng ký (*mẫu 02, 03, 04, 05, 06 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này*) gửi Trung tâm DVNN tổng hợp xây dựng kế hoạch hỗ trợ trước ngày 10/8 hàng năm.

c) UBND cấp xã tổng hợp hồ sơ theo điểm c, d khoản 1 Điều này gửi Trung tâm DVNN tổng hợp sau khi kết thúc nghiệm thu.

d) Trung tâm DVNN hoàn thành hồ sơ theo điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này; thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí trước ngày 30/10 hàng năm.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ,

*S*



UBND cấp huyện tiến hành thẩm định. Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu UBND cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ; trường hợp không đạt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **Điều 9: Hỗ trợ chế biến thức ăn**

#### 1. Hồ sơ

a) Đơn đăng ký hỗ trợ, danh sách đăng ký, danh sách kiểm tra kết quả chế biến thức ăn, hồ sơ nghiệm thu cơ sở (*mẫu 02, 07, 08, 09 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này*).

b) Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách có xác nhận của UBND xã, tổ chức được giao, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc UBND cấp huyện (*mẫu 10, 11 phụ lục ban hành kèm theo Quy định này*)

#### 2. Trình tự thực hiện

a) Các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức đăng ký chế biến thức ăn (*theo mẫu 02*) nộp trực tiếp cho UBND xã trước ngày 31/7 hàng năm.

b) UBND cấp xã tổng hợp Đơn đăng ký hỗ trợ, danh sách đăng ký (*mẫu 02, 0,7 Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này*) gửi Trung tâm DVNN tổng hợp xây dựng kế hoạch hỗ trợ trước ngày 10/8 hàng năm.

c) UBND cấp xã hoàn thành hồ sơ theo điểm a, b khoản 1 Điều này gửi Trung tâm DVNN tổng hợp sau khi kết thúc nghiệm thu.

d) Trung tâm DVNN tổng hợp hồ sơ các xã theo điểm a, b khoản 1 Điều này; thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí trước ngày 30/10 hàng năm.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, UBND cấp huyện tiến hành thẩm định. Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu UBND cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ; trường hợp không đạt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **Điều 10. Hỗ trợ công tác triển khai thực hiện**

#### 1. Hồ sơ

a) Hỗ trợ công tác hướng dẫn trồng cỏ và chế biến thức ăn.

- Phiếu giao việc (đối với trường hợp nhân viên của Trung tâm DVNN) hoặc hợp đồng thuê chỉ đạo, hướng dẫn trồng cỏ và chế biến thức ăn giữa Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp với nhân viên kỹ thuật có xác nhận của UBND xã (đối với trường hợp nhân viên kỹ thuật là nhân viên khuyến nông xã, nhân viên thú y xã);

- Báo cáo kết quả chỉ đạo và hướng dẫn trồng cỏ và chế biến thức ăn của nhân viên kỹ thuật có xác nhận của UBND xã;

- Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng thuê chỉ đạo, hướng dẫn trồng cỏ và chế biến thức ăn (đối với trường hợp nhân viên kỹ thuật là nhân viên khuyến nông xã, nhân viên thú y xã);



- Đề nghị thanh toán thuê chỉ đạo, hướng dẫn trồng cỏ và chế biến thức ăn;
- b) Hỗ trợ công tác nghiệm thu các nội dung thực hiện chính sách
  - Giấy đi đường kèm theo phiếu giao việc của lãnh đạo đơn vị;
  - Báo cáo kết quả kiểm tra hoặc biên bản kiểm tra, biên bản nghiệm thu có xác nhận của địa phương vào báo cáo kết quả hoặc biên bản kiểm tra;
  - Đề nghị thanh toán tiền chi phí kiểm tra cho từng cá nhân.
  - Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách có xác nhận của UBND xã, Trung tâm DVNN, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc UBND cấp huyện (mẫu 10, 10a, 11, 11b phụ lục ban hành kèm theo Quy định này).

## 2. Trình tự thực hiện

a) Các tổ chức, cá nhân hoàn thành hồ sơ theo điểm a, điểm b khoản 1 Điều này gửi Trung tâm DVNN.

b) Trung tâm DVNN tổng hợp các hồ sơ theo điểm a, b khoản 1 Điều này; thực hiện thanh quyết toán nguồn kinh phí trước ngày 30/10 hàng năm.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, UBND cấp huyện tiến hành thẩm định. Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu UBND cấp huyện ban hành quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ; trường hợp không đạt phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.


## **MỤC 2. LẬP DỰ TOÁN, NGHIỆM THU, THANH QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ**

### **Điều 11. Lập kế hoạch thực hiện chính sách**

1. Hàng năm UBND cấp huyện, các đơn vị được giao trách nhiệm thực hiện chính sách xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ năm sau gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 8.

2. Trên cơ sở dự toán của UBND cấp huyện, các đơn vị được giao trách nhiệm thực hiện chính sách lập, Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra, tổng hợp và xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán kinh phí thực hiện cho các huyện trong phương án dự toán ngân sách hàng năm.

### **Điều 12. Nghiệm thu cơ sở**

1. UBND xã tổ chức nghiệm thu cơ sở. Thành phần nghiệm thu cơ sở gồm đại diện UBND xã, Ban quản lý bản và các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 2 Quy định này. Kết quả nghiệm thu cơ sở được UBND xã, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Trung tâm DVNN tổng hợp theo đơn vị xã lập thành biên bản nghiệm thu chung, thành phần nghiệm thu chung gồm: Đại diện UBND xã, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Trung tâm DVNN. 

2. Phương pháp nghiệm thu: Nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách đối với từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, ở từng bản để tổng hợp thành kết quả chung toàn xã.

3. Hồ sơ nghiệm thu cơ sở

a) Biên bản nghiệm thu cơ sở theo mẫu số 10, Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này;

b) Bảng kê danh sách các đối tượng được thụ hưởng (tổ chức, hộ gia đình, cá nhân) theo mẫu số 10a Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này;

c) Biên bản nghiệm thu toàn xã theo mẫu số 11, Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này;

d) Bảng tổng hợp nghiệm thu cơ sở toàn xã, đơn vị theo mẫu số 11b Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

4. Thời gian hoàn thành nghiệm thu cơ sở, nghiệm thu chung: 30 ngày sau khi hoàn thành khối lượng thực hiện.

#### **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách**

Ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ theo Quy định này.

#### **Điều 14. Trách nhiệm thực hiện các chính sách**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Trong quá trình thực hiện chính sách, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và PTNT) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.



**Phụ lục I:****Mẫu số 01: Quyết định phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN .....****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND ..... , ngày tháng năm 20...

**QUYẾT ĐỊNH  
Về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ  
phát triển chăn nuôi đại gia súc năm .....****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN.....***Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND, ngày 26/11/2003;**Căn cứ Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La;**Theo đề nghị của ..... tại Tờ trình số: .../TTTr-..... ngày... tháng ... năm 20.....,***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1:** Phê duyệt kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn huyện ....., với các nội dung chủ yếu sau:**1. Địa bàn và quy mô thực hiện:**

T	Nội dung	Quy mô	Địa điểm triển khai
	Hỗ trợ trồng cỏ	01	Xã ...
	Hỗ trợ chế biến thức ăn	01	Xã ..
	Hỗ trợ công tác triển khai thực hiện	.....	...

**2. Kinh phí triển khai**

Tổng kinh phí: .....

Thời gian thực hiện: .....

Đơn vị triển khai thực hiện: .....

**Điều 2:** Giao Phòng tài chính - Kế hoạch cấp kinh phí thực hiện chương trình theo kế hoạch đã được phê duyệt. Phòng Nông nghiệp & PTNT cùng các ngành liên quan hướng dẫn ..... tổ chức thực hiện.

**Điều 3:** Chánh văn phòng HĐND - UBND huyện, thủ trưởng các phòng: Tài Chính kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, ....., thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

*Nơi nhận:*

- Như điều 3;
- Lưu: VT,.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Mẫu số 02: MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ KINH PHÍ**

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân huyện.....tỉnh.....  
- Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn

Tôi tên là: .....

Số CMND/CCCD:....., Ngày cấp:....., Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Hiện gia đình có: ..... con trâu, ..... con bò;

Căn cứ Nghị quyết số ...../202.../NQ-HĐND ngày...tháng... năm 202... của HĐND tỉnh Sơn La quy định chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Tôi đề nghị được hỗ trợ với số tiền là..... đồng

(bằng chữ: .....

Tên người thụ hưởng: .....

Số tài khoản ..... tại ngân hàng/Kho bạc.....  
(nếu nhận hỗ trợ theo hình thức chuyển khoản).

Nội dung đề nghị hỗ trợ:

- Trồng cỏ ..... m<sup>2</sup>

- Chế biến thức ăn .....tấn

Tôi cam kết việc hỗ trợ nêu trên là đúng sự thật và tôi chưa nhận hỗ trợ theo chính sách hỗ trợ khác của Nhà nước. Nếu khai sai, tôi sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận hỗ trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết của mình./.

... .., ngày... tháng... năm.....

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ**

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Mẫu số 03: MẪU DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ TRỒNG CỎ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỔNG HỢP DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ TRỒNG CỎ**  
**Chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực**  
**III và bản đặc biệt khó khăn**

Năm thực hiện: .....

Tại bản ..... xã ..... Huyện .....

TT	Họ và tên	Diện tích đăng ký (m <sup>2</sup> )	Giống cỏ	Ký xác nhận của chủ hộ, cá nhân, tổ chức
Tổng cộng:				

**TRƯỞNG BẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ**  
(Ký, đóng dấu)Ngày .... tháng .... năm .....  
**TRUNG TÂM DỊCH VỤ**  
**NÔNG NGHIỆP HUYỆN** ✓  
(Ký, đóng dấu)



**Mẫu số 04: MẪU DANH SÁCH HỖ TRỢ GIỐNG CỎ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH CẤP PHÁT CỎ GIỐNG**  
**Chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu III và bản đặc biệt khó khăn**

Năm thực hiện: .....

Tên giống cỏ: .....

Tại bản ..... xã ..... Huyện .....

TT	Họ và tên	Diện tích đăng ký (m <sup>2</sup> )	Số lượng giống (kg)			Ký xác nhận của chủ hộ, cá nhân, tổ chức
			Giống A	Giống B	Giống C	
<b>Tổng cộng:</b>						

**TRƯỞNG BẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ**  
(Ký, đóng dấu)

Ngày .... tháng .... năm ....  
**TRUNG TÂM DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP HUYỆN**  
**CB KỸ THUẬT**                      **GIÁM ĐỐC**  
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu) ✓


**Mẫu số 05: MẪU DANH SÁCH KIỂM TRA KẾT QUẢ TRỒNG CỎ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****DANH SÁCH KIỂM TRA KẾT QUẢ TRỒNG CỎ**  
**Chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực**  
**III và bản đặc biệt khó khăn**

Năm thực hiện: .....

Tên giống cỏ: .....

Tại bản ..... xã ..... Huyện .....

TT	Họ và tên	Ngày kiểm tra đồng cỏ	Diện tích đăng ký trồng cỏ (m <sup>2</sup> )	Diện tích trồng cỏ thực tế (m <sup>2</sup> )	Diện tích trồng cỏ đảm bảo chất lượng (m <sup>2</sup> )	Ký xác nhận của chủ hộ, cá nhân, tổ chức
<b>Tổng cộng:</b>						

**TRƯỞNG BẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ**  
(Ký, đóng dấu)Ngày .... tháng .... năm ....  
**TRUNG TÂM DỊCH VỤ NÔNG**  
**NGHIỆP HUYỆN**  
**CB KỸ THUẬT**                      **GIÁM ĐỐC**  
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu) 




**Mẫu số 06: MẪU TỔNG HỢP KẾT QUẢ TRỒNG CỎ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ TRỒNG CỎ**  
**Chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III**  
**và bản đặc biệt khó khăn**

Năm thực hiện: .....

Tên giống cỏ: .....

Tại xã ..... Huyện .....

TT	Địa chỉ (bản)	Diện tích đăng ký trồng cỏ (m <sup>2</sup> )	Số lượng cỏ giống đã cấp (kg)			Diện tích trồng cỏ thực tế (m <sup>2</sup> )	Diện tích trồng cỏ đảm bảo chất lượng (m <sup>2</sup> )
			Giống A	Giống B	Giống C		
	Tổng cộng:						

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ**  
(Ký, đóng dấu)Ngày .... tháng .... năm ....  
**TRUNG TÂM DỊCH VỤ NÔNG**  
**NGHIỆP HUYỆN**  
**CB KỸ THUẬT**                      **GIÁM ĐỐC**  
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu) **PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**  
(Ký, đóng dấu)

**Mẫu số 07: MẪU DANH SÁCH ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN CHẾ BIẾN THỨC ĂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HỖ TRỢ CHẾ BIẾN THỨC ĂN**  
*(tháng ..... năm .....)*

TT	Họ và tên	Địa chỉ (bản, xã)	Tổng đàn trâu bò (con)		Số lượng đăng ký hỗ trợ (tấn)	Ký xác nhận của chủ hộ, cá nhân, tổ chức
			Trâu	bò		
1						
2						
...	Tổng:					

**NGƯỜI LẬP**  
*(ký, ghi rõ họ tên)***XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ**



**Mẫu số 08: MẪU DANH SÁCH KIỂM TRA KẾT QUẢ CHẾ BIẾN THỨC ĂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****DANH SÁCH KIỂM TRA KẾT QUẢ CHẾ BIẾN THỨC ĂN**  
**Chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực**  
**III và bản đặc biệt khó khăn**

Năm thực hiện: .....

Tên giống cỏ: .....

Tại bản ..... xã ..... Huyện .....

TT	Họ và tên	Ngày kiểm tra	Số lượng đăng ký chế biến thức ăn (tấn)	Số lượng chế biến thức ăn thực tế (tấn)	Số lượng chế biến thức ăn đảm bảo chất lượng (tấn)	Ký xác nhận của chủ hộ, cá nhân, tổ chức
<b>Tổng cộng:</b>						

**TRƯỞNG BẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ**  
(Ký, đóng dấu)Ngày .... tháng .... năm ....  
**TRUNG TÂM DỊCH VỤ NÔNG**  
**NGHIỆP HUYỆN**  
**CB KỸ THUẬT                      GIÁM ĐỐC**  
(Ký, ghi rõ họ tên)(Ký, đóng dấu) ✓

**Mẫu số 09: MẪU TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHẾ BIẾN THỨC ĂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHẾ BIẾN THỨC ĂN**  
**Chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III**  
**và bản đặc biệt khó khăn**


Năm thực hiện: .....

Tại xã ..... Huyện .....

TT	Địa chỉ (bản)	Số lượng đăng ký chế biến thức ăn (tấn)	Số lượng chế biến thức ăn thực tế (tấn)	Số lượng chế biến thức ăn đảm bảo chất lượng (tấn)
	Tổng cộng:			

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ**  
(Ký, đóng dấu)

Ngày .... tháng .... năm .....

**TRUNG TÂM DỊCH VỤ NÔNG**  
**NGHIỆP HUYỆN****CB KỸ THUẬT**      **GIÁM ĐỐC**  
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu) **PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**  
(Ký, đóng dấu)



**Mẫu số 10: BIÊN BẢN NGHIỆM THU CƠ SỞ KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
CHÍNH SÁCH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU CƠ SỞ**

**Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc  
tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn**

Năm: .....

Căn cứ Nghị quyết số ...../2023/NQ-HĐND ngày .../.../2023 của  
HĐND tỉnh ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại  
gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2023-2025  
trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Hôm nay, ngày..... tháng ..... năm 202....

Tại: .....

**I. THÀNH PHẦN NGHIỆM THU**

**1. Đại diện UBND xã, (phường, thị trấn): .....**

- Ông (bà): ..... - Chức vụ: Chủ tịch (hoặc PCT) UBND xã.

- Ông (bà): ..... - Chức vụ: .....

**2. Đại diện Hợp tác xã nông nghiệp, doanh nghiệp (nếu có): .....**

- Ông (bà): ..... - Chức vụ:.....

- Ông (bà): ..... - Chức vụ: .....

**3. Đại diện Ban quản lý bản: .....**

- Ông (bà): ..... - Chức vụ: Trưởng bản.

- Ông (bà): ..... - Chức vụ: .....

**4. Đại diện tổ chức, cá nhân thực hiện chính sách**

- Ông (bà): ..... - Chức vụ: .....

- Ông (bà): ..... - Chức vụ: .....

Đã tiến hành nghiệm thu cơ sở kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ phát  
triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn, tại bản  
(HTX):

**II. KẾT QUẢ NGHIỆM THU CƠ SỞ**

Sau khi kiểm tra xem xét thực tế nội dung thực hiện chính sách hỗ trợ phát  
triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn Hội  
đồng nghiệm thu cơ sở xác nhận những kết quả và yêu cầu điều kiện của chính

*h*

sách mà đối tượng thụ hưởng đã thực hiện trên địa bàn bản (HTX)..... như sau:

1. Nội dung thực hiện: Hỗ trợ trồng cỏ, chế biến thức ăn, công tác triển khai thực hiện.

2. Nội dung hỗ trợ:

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
1	Hỗ trợ trồng cỏ	M <sup>2</sup>			
2	Hỗ trợ chế biến thức ăn	Tấn			
3	Hỗ trợ công tác triển khai	Đồng			
	<b>Cộng:</b>				

(Có bảng kê chi tiết các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ kèm theo).

### III. TỔNG KINH PHÍ HỖ TRỢ:.....

- Kinh phí hỗ trợ trồng cỏ: .....

- Kinh phí hỗ trợ chế biến thức ăn .....

- Hỗ trợ công tác triển khai .....

*Nhận xét, đánh giá kết quả so với kế hoạch đăng ký .....*

Biên bản này đã được thông qua các thành viên tham gia và lập thành 04 bản: 01 bản lưu tại UBND cấp xã; 01 bản lưu tại HTX, doanh nghiệp (nếu có); 01 bản lưu tại Ban quản lý bản; 01 bản gửi đơn vị thực hiện chính sách./.

**ĐẠI DIỆN BAN QUẢN LÝ BẢN**

**ĐẠI DIỆN HỘ THỰC HIỆN**

**ĐẠI DIỆN UBND XÃ .....**

**CHỦ TỊCH**  
(Chữ ký, dấu)

**ĐẠI DIỆN HỢP TÁC XÃ**  
(Chữ ký, dấu)



Mẫu số 10a: BẢNG KÊ DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

UBND xã (phường, thị trấn): .....

Bản: .....


BẢNG KÊ DANH SÁCH CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH  
Năm 202....

(Kèm theo biên bản nghiệm thu cơ sở ngày .... tháng ..... năm 202....)

TT	Họ và tên chủ hộ, cá nhân, tổ chức	Nội dung hỗ trợ						Thành tiền (đồng)	Ký xác nhận của chủ hộ, cá nhân, tổ chức
		Trồng cỏ		Chế biến thức ăn		Hỗ trợ công tác triển khai			
		Số lượng (ha)	Thành tiền (đồng)	Số lượng (tấn)	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)		
1									
2									
3									
	.....								
	<b>Cộng:</b>								

Người lập  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng bản  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng..... năm 202....  
Đại diện UBND xã (phường, thị trấn)  
(Chữ ký, dấu) 

**Mẫu số 11: BIÊN BẢN NGHIỆM THU CHUNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
CHÍNH SÁCH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU CHUNG**

**Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại gia súc tại  
các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn**

**Năm: .....**

Căn cứ Nghị quyết số ...../2023/NQ-HĐND ngày .../.../2023 của  
HĐND tỉnh ban hành Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi đại  
gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn giai đoạn 2023-2025  
trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Hôm nay, ngày..... tháng ..... năm 202....

Tại Xã: .....

**I. THÀNH PHẦN NGHIỆM THU**

**1. Đại diện UBND xã, (phường, thị trấn): .....**

- Ông (bà): ..... - Chức vụ: Chủ tịch (hoặc PCT) UBND xã.

- Ông (bà): ..... - Chức vụ: .....

**2. Đại diện Trung tâm DVNN huyện**

- Ông (bà): ..... - Chức vụ: .....

- Ông (bà): ..... - Chức vụ: .....

**3. Đại diện Phòng Nông nghiệp huyện .....**

- Ông (bà): ..... - Chức vụ: Trưởng bản.

- Ông (bà): ..... - Chức vụ: .....

Đã tiến hành nghiệm thu kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển  
chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn, tại xã: ... ..

.....

**II. KẾT QUẢ NGHIỆM THU CƠ SỞ**

Sau khi kiểm tra xem xét thực tế nội dung thực hiện chính sách hỗ trợ  
phát triển chăn nuôi đại gia súc tại các xã khu vực III và bản đặc biệt khó khăn  
và Biên bản nghiệm thu cơ sở, Hội đồng nghiệm thu thống nhất kết quả đạt được  
như sau:

1. Nội dung thực hiện: Hỗ trợ trồng cỏ, chế biến thức ăn, công tác triển  
khai thực hiện

2. Nội dung hỗ trợ:



TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Mức hỗ trợ	Thành tiền
1	Hỗ trợ trồng cỏ	M <sup>2</sup>			
2	Hỗ trợ chế biến thức ăn	Tấn			
3	Hỗ trợ công tác triển khai	Đồng			
	<b>Cộng:</b>				

(Có bảng kê chi tiết các bản thực hiện chính sách hỗ trợ kèm theo).

**III/ TỔNG KINH PHÍ HỖ TRỢ:.....**

- Kinh phí hỗ trợ trồng cỏ: .....
- Kinh phí hỗ trợ chế biến thức ăn.....
- Hỗ trợ công tác triển khai .....

Nhận xét, đánh giá kết quả so với kế hoạch đăng ký .....

.....

Biên bản này đã được thông qua các thành viên tham gia và lập thành 04 bản có giá trị như sau./.

**ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM DỊCH VỤ  
NÔNG NGHIỆP HUYỆN**

**ĐẠI DIỆN PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ  
PTNT HUYỆN** *ε*

**ĐẠI DIỆN UBND XÃ .....**

**CHỦ TỊCH**  
(Chữ ký, dấu)

**Mẫu số 11a: BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH  
HỖ TRỢ**

UBND xã (phường, thị trấn): .....

**BẢNG KÊ DANH SÁCH CÁC BẢN THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH  
Năm 202....**

*(Kèm theo biên bản nghiệm thu chung ngày .... tháng ..... năm 202....)*

TT	Địa điểm (bản)	Nội dung hỗ trợ						Thành tiền (đồng)	Ký xác nhận của chủ hộ, cá nhân, tổ chức
		Trồng cỏ		Chế biến thức ăn		Hỗ trợ công tác triển khai			
		Số lượng (ha)	Thành tiền (đồng)	Số lượng (tấn)	Thành tiền (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)		
1	Bản A								
2	Bản B								
3	Bản C								
	.....								
	<b>Cộng:</b>								

Ngày.....tháng..... năm 202....

**ĐẠI DIỆN UBND XÃ  
(PHƯỜNG, THỊ TRẤN)**  
*(Chữ ký, dấu)*

**TRUNG TÂM DỊCH  
VỤ NÔNG NGHIỆP  
HUYỆN**  
*(Chữ ký, dấu)*

**PHÒNG NÔNG NGHIỆP  
VÀ PTNT**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)* 